

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT

Ngày: 10/4/2019

*“V/v Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường; ông Nguyễn Văn Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Mở phiên tòa ngày 10/4/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-KDTM ngày 18/12/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 22/10/2018, của TAND thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐXX-PT ngày 12/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐ-PT ngày 11/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty P

Địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Mạnh D - Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Công ty: Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018)

Địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Phú Yên

Bị đơn: Ông Đỗ Thành Q - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q

Địa chỉ: Số A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H: Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019)

Địa chỉ: Số A, phường B, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Thành N: Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Phú Yên
2. Ông Lê Văn S: Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã B, thành phố C, tỉnh Phú Yên
3. Ông Nguyễn Tấn T: Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Công ty P (sau đây gọi tắt là Công ty P) trình bày: Ngày 01/01/2013 và ngày 01/01/2014, Công ty P và Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp Q) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa số: 123/2013/HĐMB và số: 33/2014/HĐMB với nội dung: Công ty P giao nước khoáng đóng chai của Công ty, cho Doanh nghiệp Q bán tại địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Giá bán nước khoáng, theo giá do Công ty P quy định; Công ty P, đầu tư công nợ gói đầu cho Doanh nghiệp Q 11.731 vô kết theo hợp đồng số: 123/2013/HĐMB và 11.619 vô kết theo hợp hợp đồng số: 33/2014/HĐMB; Sau khi đã trừ số công nợ được Công ty P đầu tư nêu trên, Doanh nghiệp Q phải thanh toán đủ tiền hàng và vô kết cho Công ty P, theo hóa đơn xuất hàng; Việc mua bán phải thường xuyên, liên tục; Nếu sau 60 ngày, kể từ ngày nhận chuyển hàng sau cùng, mà Doanh nghiệp Q không nhận hàng bán tiếp tục, thì xem như Doanh nghiệp Q đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán; Khi đó Doanh nghiệp Q có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty P với lộ trình: Tiền hàng là 30 ngày, vô kết chai thủy tinh là 06 tháng; Nếu sau thời hạn quy định nêu trên, Doanh nghiệp Q không trả xong nợ vô kết và tiền hàng, thì phải thanh toán bằng cách quy vô kết thành tiền; Trường hợp hư hao, mất mát vô, kết thì Doanh nghiệp Q phải bồi thường cho Công ty P với giá trị như sau: loại chai thủy tinh 460ml, giá 2.800đ/chai; loại chai thủy tinh son men 330ml, giá 2.200đ/chai; loại chai thủy tinh 200ml và 230ml, giá 2.000đ/chai; két nhựa loại 20 chai, giá 38.000đ/két; két nhựa loại 24 chai cao, giá 32.000đ/két; két nhựa loại 24 chai thấp, giá 24.000đ/két; két nhựa loại 35 chai, giá 38.000đ/két. Thời gian thực hiện hợp đồng số: 123/2013/HĐMB đến hết ngày 31/12/2013. Thời gian thực hiện hợp đồng số: 33/2014/HĐMB đến hết ngày 31/12/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Theo biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 01/01/2014, giữa Công ty P và Doanh nghiệp Q, thì Doanh nghiệp Q còn nợ Công ty P: Két nhựa Phú Sen 20 ô là 11.335 két; két nhựa Pita 24 ô cao là 245 két; két nhựa PYFINCO 24 ô thấp là 40 két; chai thủy tinh 460ml là 461.580 chai; chai thủy tinh 330ml là 5.837 chai; chai thủy tinh 230ml là 943 chai.

Công ty P đã đòi nhiều lần nhưng Doanh nghiệp Q không trả số kết chai, vỏ chai nêu trên. Vì vậy, Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Doanh nghiệp Q trả cho Công ty P số vỏ chai, kết chai còn nợ, được tính giá trị thành tiền là 1.746.681.400đ và lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 16/11/2017. Công ty P không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Thành Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P xác định lại: Sau khi đối chiếu công nợ, Doanh nghiệp đã trả cho Công ty P được một phần vỏ chai và kết chai, cụ thể như sau: Ngày 06/9/2014, đã trả 220 kết nhựa Phú Sen 20 ô và 4.400 chai thủy tinh 460ml; ngày 21/5/2015, đã trả 180 kết nhựa Phú Sen 20 ô và 3.600 chai thủy tinh 460ml; ngày 29/7/2015, đã trả 500 kết nhựa Phú Sen 20 ô và 10.000 chai thủy tinh 460ml; ngày 02/3/2016, đã trả 312 kết nhựa Phú Sen 20 ô và 6.240 chai thủy tinh 460ml. Tổng cộng là 1.212 kết nhựa Phú Sen và 24.240 chai thủy tinh 460ml. Hiện tại, Doanh nghiệp Q còn nợ Công ty P 10.123 kết nhựa Phú Sen 20 ô; kết nhựa Pita 24 ô cao là 245 kết; kết nhựa PYFINCO 24 ô thấp là 40 kết; chai thủy tinh 460ml là 437.340 chai; chai thủy tinh 330ml là 5.837 chai; chai thủy tinh 230ml là 943 chai. Được tính giá trị thành tiền cụ thể như sau: kết nhựa Phú Sen 20 ô là 10.123 kết x 38.000đ/kết = 384.674.000đ; kết nhựa Pita 24 ô cao là 245 kết x 32.000đ/kết = 7.840.000đ; kết nhựa PYFINCO 24 ô thấp là 40 kết x 24.000đ/kết = 960.000đ; chai thủy tinh 460ml là 437.340 chai x 2.800đ/chai = 1.224.552.000đ; chai thủy tinh 330ml là 5.837 chai x 2.200đ/chai = 12.841.400đ; chai thủy tinh 230ml là 943 chai x 2.000đ/chai = 1.886.000đ; Tổng cộng 1.632.753.400đ. Để bù đắp một phần mất mát cho khách hàng, Công ty P đồng ý giảm trừ cho Doanh nghiệp Q 01 kết nhựa loại 35 chai, có giá trị 38.000đ; 35 chai thủy tinh 230ml có giá trị 70.000đ và khấu trừ 39.410.000đ mà Doanh nghiệp Q đã giao cho Công ty P, để đảm bảo nghĩa vụ trả vỏ chai và kết chai. Công ty P rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc Doanh nghiệp Q phải trả số kết chai và vỏ chai, được tính giá trị bằng tiền, sau khấu trừ các khoản nêu trên là 1.593.235.400đ; Công ty P rút yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

Trong đơn phản tố ngày 09/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Đỗ Thành Q- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q trình bày: Về các thỏa thuận trong các hợp đồng mua bán số:123/2013/HĐMB ngày 01/01/2013 và số:33/2014/HĐMB ngày 01/01/2014, được ký kết giữa Công ty P và Doanh nghiệp Q, đúng như nguyên đơn đã trình bày; Doanh nghiệp Q thừa nhận còn nợ Công ty P số lượng vỏ chai, kết chai như biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày ngày 01/01/2014. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu và xác nhận nợ, Doanh nghiệp Q đã trả cho Công ty P số lượng vỏ chai, kết chai cụ thể như sau: Ngày 06/9/2014, trả 220 kết nhựa Phú Sen và 4.400 chai thủy tinh 460ml; ngày 20/5/2015, trả 1.001 kết

nhựa Phú Sen và 20.020 chai thủy tinh 460ml, trả cho ông Võ Thành N là nhân viên của Công ty P; ngày 21/5/2015, trả 180 két nhựa Phú Sen và 3.600 chai thủy tinh 460ml, trả cho ông N; ngày 27/7/2015, trả 990 két nhựa, do ông Nguyễn Thành T là nhân viên của Công ty P nhận; ngày 29/7/2015, trả 500 két nhựa Phú Sen và 10.000 chai thủy tinh 460ml; ngày 01/3/2015, trả 312 két nhựa Phú Sen và 6.240 chai thủy tinh 460ml; ngày 02/3/2016, trả 312 két nhựa Phú Sen và 6.240 chai thủy tinh 460ml; Công ty P còn nợ Doanh nghiệp Q 39.410.000đ, là tiền Doanh nghiệp Q dùng bảo đảm thực hiện hợp đồng; Doanh nghiệp Q không đồng ý trả bằng tiền cho Công ty P, mà sẽ trả vỏ chai và két chai.

Từ năm 2016 đến nay, do Công ty P không thu hồi vỏ chai và két chai, nên Doanh nghiệp Q phải thuê kho bãi cất giữ vỏ chai và két chai mỗi tháng 6.000.000đ, với thời gian là 20 tháng. Vì vậy, Doanh nghiệp Q phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty P bồi thường cho Doanh nghiệp Q tiền thuê kho bãi cất giữ vỏ chai và két chai là 120.000.000đ.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông là nhân viên của Công ty P; ngày 29/7/2015, ông đến kho Doanh nghiệp Q nhận 500 két nhựa Phú Sen và 10.000 vỏ chai thủy tinh loại 460ml; Ngày 27/7/2015, ông không đến Doanh nghiệp Q nhận két chai như ông Đỗ Thành Q trình bày.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S trình bày: Ông là nhân viên của Công ty P; Ngày 02/3/2016, ông đến kho Doanh nghiệp Q nhận 312 két nhựa Phú Sen và 6.240 vỏ chai thủy tinh loại 460ml; Ngày 01/3/2016, ông không đến Doanh nghiệp Q nhận vỏ chai, két chai như ông Đỗ Thành Q trình bày.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thành N trình bày: Ông là nhân viên của Công ty P; Ngày 06/9/2014, ông đến kho Doanh nghiệp Q nhận 220 két nhựa Phú Sen và 4.400 vỏ chai thủy tinh loại 460ml; Ngày 21/5/2015, ông đến kho Doanh nghiệp Q nhận 180 két nhựa Phú Sen và 3.600 vỏ chai thủy tinh loại 460ml; Ngày 20/5/2015, ông không đến Doanh nghiệp Q nhận vỏ chai, két chai như ông Đỗ Thành Q trình bày.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 22/10/2018, của TAND thị xã Buôn Hồ, đã áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 147 BLTTDS; Điều 428, Điều 431, Điều 432, Điều 438 BLDS năm 2005; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

1. Buộc ông Đỗ Thành Q - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q, phải có nghĩa vụ trả cho Công ty P, giá trị két chai và vỏ chai thủy tinh, quy ra thành tiền là 1.593.235.400đ

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Đỗ Thành Q - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q về việc: Buộc Công ty P phải bồi thường cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q 120.000.000đ tiền thuê kho bãi cất giữ vỏ chai và két chai.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 05/11/2018, bị đơn là ông Đỗ Thành Q- Chủ Doanh nghiệp Q có đơn kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Doanh nghiệp Q phải trả cho Công ty P, số vỏ chai và két chai được quy đổi thành tiền là không đúng pháp luật; Doanh nghiệp Q đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá vỏ chai và két chai nhưng không được chấp nhận. Thực tế Doanh nghiệp Q phải thuê kho bãi, để cất giữ vỏ chai, két chai và thông báo cho Công ty P đến nhận nhưng Công ty P không nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu phản tố của Doanh nghiệp Q là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng được thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành Q cho rằng trong các ngày 20/5/2015, ngày 27/7/2015 và 01/3/2016, ông Q đã trả cho Công ty P tổng cộng 2.303 két nhựa Phú Sen và 26.260 chai thủy tinh loại 460ml, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ông Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả số vỏ chai, két chai nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán số: 123/2013/HĐMB ngày 01/01/2013 và hợp đồng mua bán số: 33/2014/HĐMB ngày 01/01/2014, được ký kết giữa Công ty P và Doanh nghiệp Q, thực chất là hợp đồng đại lý. Bởi lẽ, theo nội dung của hợp đồng, thì Công ty P giao hàng hóa của Công ty là nước khoáng đóng chai, cho Doanh nghiệp Q để bán trên địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo giá quy định của Công ty P. Như vậy, Công ty P là bên giao đại lý; Doanh nghiệp Q là bên đại lý, có trách nhiệm bán hàng hóa cho Công ty P để hưởng thù lao, được quy định tại điều 166 và điều 167 Luật Thương Mại năm 2005.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Doanh nghiệp Q thừa nhận chưa trả cho Công ty P số lượng kết chai và vỏ chai như biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 01/01/2014. Sau ngày 01/01/2014, Công ty P và Doanh nghiệp Q đều thừa nhận trong thời gian từ ngày 06/9/2014 đến ngày 02/3/2016, Doanh nghiệp Q đã trả cho Công ty P bốn lần, tổng cộng là 1.212 kết nhựa Phú Sen và 24.240 chai thủy tinh loại 460ml.

[5] Doanh nghiệp Q cho rằng ngoài số vỏ chai, kết chai đã trả nêu trên; ngày 20/5/2015, đã trả 1.001 kết nhựa Phú Sen và 20.020 vỏ chai thủy tinh loại 460ml; ngày 27/7/2015, trả 990 kết nhựa Phú Sen; ngày 01/3/2016, đã trả 312 kết nhựa Phú Sen và 6.240 vỏ chai thủy tinh loại 460ml nhưng Doanh nghiệp Q không cung cấp được chứng cứ đã trả thêm 03 lần, số vỏ chai và kết chai nêu trên cho Công ty P.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện tại Doanh nghiệp Q chưa trả cho Công ty P 10.123 kết nhựa Phú Sen 20 ô; kết nhựa Pita 24 ô cao là 245 kết; kết nhựa PYFINCO 24 ô thấp là 40 kết; chai thủy tinh 460ml là 437.340 chai; chai thủy tinh 330ml là 5.837 chai; chai thủy tinh 230ml là 943 chai; được khấu trừ tỷ lệ mất mát, hư hỏng là 01 kết nhựa Phú Sen và vỏ 35 chai thủy tinh loại 220ml là có căn cứ. Việc Doanh nghiệp Q chưa trả cho Công ty P số lượng vỏ chai và kết chai nêu trên là vi phạm hợp đồng đại lý. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc Doanh nghiệp Q, phải trả cho Công ty P số lượng vỏ chai và kết chai nêu trên, theo giá trị được tính bằng tiền, theo khoản 8 Điều 6 của hợp đồng, là đúng theo nội dung của hợp đồng mà các bên thỏa thuận. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Xét yêu cầu phản tố của ông Đỗ Thành Q cho rằng: Từ năm 2016, Doanh nghiệp Q đã thu hồi vỏ chai, kết chai từ các đại lý bán lẻ và thông báo cho Công ty P đến nhận nhưng Công ty P không nhận, nên Doanh nghiệp Q phải thuê kho bãi để cất giữ vỏ chai và kết chai, trong thời gian 20 tháng với số tiền thuê kho bãi là

120.000.000đ và yêu cầu Công ty P phải bồi thường tiền thuê kho bãi. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình tham gia giải quyết vụ án, ông Đỗ Thành Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã thông báo cho Công ty P đến nhận vỏ chai, két chai nhưng Công ty P từ chối nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Thành Q là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành Q không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành Q - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 166, Điều 167 và Điều 175 Luật Thương mại năm 2005; Hợp đồng số: 123/2013/HĐMB ngày 01/01/2013 và hợp đồng số: 33/2014/HĐMB ngày 01/01/2014, được ký kết giữa Công ty P và ông Đỗ Thành Q; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P

1. Buộc ông Đỗ Thành Q- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q, phải trả cho Công ty P 1.632.645.400đ là giá trị: 10.122 két nhựa Phú Sen 20 ô; 245 két nhựa Pita 24 ô cao; 40 két nhựa PYFINCO 24 ô thấp; 437.340 chai thủy tinh loại 460ml; 5.837 chai thủy tinh loại 330ml; 908 chai thủy tinh loại 230ml; được khấu trừ 39.410.000đ mà ông Q đã giao cho Công ty P để đảm bảo thực hiện hợp đồng đại lý. Ông Q còn phải trả cho Công ty P 1.593.235.400đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Thành Q- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q về việc: Buộc Công ty P phải bồi thường thiệt hại 120.000.000đ là tiền thuê kho bãi, để cất giữ vỏ chai và két chai.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc: Buộc Đỗ Thành Q - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Q phải trả 113.928.000đ là giá trị 1.212 két nhựa Phú Sen và 24.240 chai thủy tinh loại 460ml và yêu cầu về lãi suất chậm thanh toán.

4. **Về án phí:** Ông Đỗ Thành Q phải chịu 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

đã nộp, theo biên lai số: AA/2017/0005496 ngày 23/11/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn